



3. **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 04/02/1973; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Lô H5.13 Khu đô thị B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Gia Canh và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); vợ là Lê Thị L1; có 03 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 18/12/2019, hiện tại ngoại, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15h40 ngày 18/4/2019, tại Hội trường tầng 2 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá bắt quả tang Nguyễn Thị C là Phó trưởng đoàn thanh tra tỉnh Thanh Hóa có hành vi nhận số tiền 20.000.000đ của Công ty TNHH Xây dựng Vận tải T (Công ty T) có trụ sở tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa, do chị Ngô Thị Q là kế toán của Công ty đưa. Theo báo cáo của Công ty T mục đích đưa số tiền này là để Đoàn thanh tra bỏ qua một số sai phạm, giúp Công ty giảm số tiền truy thu thuế nộp ngân sách Nhà nước. Tang vật thu giữ gồm 40 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ đựng trong 01 (một) phong bì có dòng chữ “Doanh nghiệp tư nhân xây dựng vận tải T”, 01 chiếc túi xách màu vàng sẫm, giấy tờ tùy thân của Nguyễn Thị C và 25 thùng đồ vật, tài liệu tạm giữ kèm theo đã được niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Thị C, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) chiếc túi xách màu nâu phát hiện tại tủ gỗ đựng quần áo bên trong có: 20.000.000đ tiền mệnh giá 200.000đ, có kẹp một mảnh giấy với nội dung “Nộp hộ cty An Khánh 10T”; 20.000.000đ tiền mệnh giá 200.000đ và 99.000.000đ tiền mệnh giá 500.000đ kèm theo một tờ giấy có ghi nội dung “1, Cty H 100 2, Cty V 20”; 01 (một) chiếc túi xách màu xám phát hiện tại tủ gỗ đựng quần áo bên trong có số tiền 249.900.000đ; 07 sổ tiết kiệm do Ngân hàng SHB phát hành đứng tên Nguyễn Thị C; 01 tờ giấy có ghi nội dung “17/4 DN H 100, Cty V 20, An khánh 10 + nộp hộ 10T” và một số giấy tờ, tài liệu khác. Nguyễn Thị C khai nhận toàn bộ số tiền đựng trong chiếc túi xách màu nâu là tiền các doanh nghiệp bồi dưỡng cho đoàn thanh tra tương ứng với các nội dung ghi chú trong các tờ giấy kèm theo các tập tiền, để bỏ qua hoặc giảm nhẹ một số sai phạm của các doanh nghiệp, số tiền này chưa kịp chia nhau thì bị khám xét, thu giữ. Số tiền 249.900.000đ để trong chiếc túi xách màu xám và 07 sổ tiết kiệm trị giá 1,3 tỷ đồng do Ngân hàng SHB phát hành là tiền riêng của gia đình Nguyễn Thị C và của ông

Nguyễn Văn H3 (anh trai của Nguyễn Thị C), bà Nguyễn Thị T3 (chị gái của Nguyễn Thị C) nhờ C giữ hộ để trả tiền mua nhà, đất.

Ngày 19/4/2019, Lê Mạnh H3 đến Cơ quan An ninh điều tra xin đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình và các thành viên trong đoàn về việc nhận tiền từ các đơn vị, doanh nghiệp bị thanh tra để bỏ qua hoặc giảm nhẹ sai phạm cho các đơn vị, doanh nghiệp này. Tiến hành khám xét chỗ ở, nơi làm việc của H3, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án gồm: 09 triệu đồng (gồm 18 tờ tiền mệnh giá 500.000đ) được kẹp bởi mảnh giấy có nội dung “2LD=19” và 51.500.000đ (gồm 103 tờ tiền mệnh giá 500.000đ). H3 khai toàn bộ số tiền trên là do Nguyễn H1 thành viên đoàn thanh tra nhận từ công ty C chia cho H3, tờ giấy có ghi “2LD=19” Hà không lý giải được và cho rằng đó là tờ giấy nháp ghi chung chung bỏ lộn vào tập tiền.

Ngày 21/4/2019, Dương Văn B1, Nguyễn H1 và Nguyễn Quý D, đều là các thành viên của đoàn thanh tra tỉnh Thanh Hóa đã đến Cơ quan An ninh điều tra xin đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội. Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở, nơi làm việc của B1, H1 và D không phát hiện thu giữ gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã điều tra, làm rõ:

Đoàn thanh tra việc quản lý thu, chi ngân sách và đầu tư xây dựng của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 228/QĐ-TTTH ngày 05/3/2019 của Chánh Thanh tra tỉnh Thanh Hóa và bắt đầu thanh tra tại huyện Thiệu Hóa từ ngày 13/3/2019. Lê Mạnh H3, trưởng đoàn, phụ trách chung, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong đoàn thành 2 tổ: Tổ thanh tra hoạt động thu chi ngân sách và kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước có các thành viên là Nguyễn Quý D, Dương Văn B do Nguyễn Thị C phụ trách; tổ thanh tra lĩnh vực đầu tư xây dựng đối với các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn có Nguyễn H1 do Lê Mạnh H3 phụ trách. Quá trình thanh tra mặc dù không có quán triệt từ trước nhưng toàn bộ thành viên trong đoàn đều hiểu và thống nhất về việc nhận tiền của các đơn vị, doanh nghiệp bị thanh tra, khi có đơn vị, doanh nghiệp chi tiền cho đoàn thì Lê Mạnh H3 thống nhất với đoàn giao cho Nguyễn Thị C nhận để tổng hợp và chia cho các thành viên.

Trong quá trình tiến hành thanh tra tại huyện T, Đoàn thanh tra đã nhận hối lộ của 05 doanh nghiệp và 01 đơn vị trường học, cụ thể như sau:

### **1. Các đơn vị, doanh nghiệp đưa hối lộ làm đơn tố cáo:**

#### **1.1. Công ty TNHH Xây dựng Vận tải T:**

Ngày 04/4/2019, chị Ngô Thị Q là kế toán của Công ty Tùng Sâm đem hồ sơ kế toán của Công ty đến nộp cho Dương Văn B và Nguyễn Thị C. Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách kế toán, B1 phát hiện Công ty có biểu hiện giấu doanh thu để trốn thuế và không thực hiện việc trích nộp bảo hiểm cho người lao động theo

đúng quy định. Cụ thể, việc kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào và đầu ra, kiểm tra giá bán mặt hàng xi măng và thép xây dựng phát hiện Công ty có dấu hiệu bán dưới giá quy định của Nhà nước, ước tính sơ bộ doanh thu bán hàng thấp dưới giá quy định khoảng 95.000.000đ, tương ứng số tiền thuế phải truy thu là khoảng 28.500.000đ; Kiểm tra chi phí kinh doanh phát hiện Công ty hạch toán chi phí xăng dầu vượt định mức là 31.500.000đ, tương ứng số tiền thuế phải truy thu là 9.450.000đ. Kiểm tra việc thực hiện nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động cho thấy Công ty chưa thực hiện trích, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật với số tiền khoảng 71.000.000đ. Trong quá trình kiểm tra, B1 và C đã trao đổi với anh Trịnh Văn T4 là giám đốc công ty về việc Công ty chỉ cho đoàn số tiền 30.000.000đ để đoàn thanh tra tạo điều kiện chỉ lập biên bản thể hiện sai phạm tương ứng với mức truy thu là 15.000.000đ, nhưng anh T4 không đồng ý nên hai bên đã thống nhất Công ty chỉ cho đoàn thanh tra số tiền 20.000.000đ, để đoàn thanh tra chỉ lập biên bản thể hiện sai phạm tương ứng với mức truy thu khoảng 10.000.000đ. Vì đã thống nhất như trên nên B1 đã lập biên bản thanh tra thể hiện Công ty T chỉ có một sai phạm là hạch toán chi phí xăng dầu vượt định mức là 31.500.000đ, tương ứng số tiền thuế phải truy thu là 9.450.000đ.

Sau khi thống nhất, thỏa thuận với C và B1, sáng ngày 18/4/2019, anh T4 viết đơn tố cáo gửi cơ quan Công an về hành vi của thành viên đoàn thanh tra đã đe dọa, ép buộc Công ty T phải chỉ cho đoàn thanh tra số tiền 20.000.000 để được tạo điều kiện trong quá trình thanh tra. Như đã thỏa thuận với chị C, chiều ngày 18/4/2019, anh T4 đưa cho chị Ngô Thị Q số tiền 20.000.000đ để chị Q đến phòng làm việc của đoàn thanh tra chuyển cho C. Khi Nguyễn Thị C vừa nhận số tiền trên của chị Quyền thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

1. 2. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng - Thương mại và xây lắp điện T (Công ty T):

Ngày 06/4/2019, ông Lê Văn T1 - Giám đốc Công ty T đến làm việc với Nguyễn H1 tại phòng làm việc của đoàn thanh tra. Nguyễn H1 trao đổi với ông T1 về việc H1 dự kiến thanh tra 04 công trình do công ty Thanh Thảo là nhà thầu thi công, tuy nhiên, ông T1 đã đặt vấn đề với Nguyễn H1 xin được tạo điều kiện trong quá trình thanh tra và giảm bớt số lượng công trình bị thanh tra. Giữa Nguyễn H1 và ông T1 đã có sự thỏa thuận về việc Công ty T chỉ cho đoàn thanh tra số tiền 150.000.000đ để được tạo điều kiện trong quá trình thanh tra. Nguyễn H1 đã báo cáo với Lê Mạnh H3 và được Lê Mạnh H3 thống nhất sẽ chỉ thanh tra đối với 02 công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới mở Phụng, xã T và Công trình Trung tâm Văn hoá thể thao xã Thiệu G. Đối với 02 công trình này, Nguyễn H1 chưa xuống hiện trường để kiểm tra, nhưng qua kiểm tra hồ sơ công trình, Nguyễn H1 đã phát hiện một số vấn đề chưa hợp lý và chỉ ra

cho nhà thầu, cụ thể là: Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới mở Phường do liên danh Công ty T - Công ty Hằng Nhì thi công: Biện pháp thi công đào đắp nền đường gồm 90% đào đắp bằng máy và 10% đào đắp thủ công là không hợp lý, chênh lệch giá đào đắp bằng máy và thủ công là 112.000đ/m<sup>3</sup>; đơn giá bê tông vận dụng đã bao gồm chi phí làm khe co giãn (gồm gỗ, nhựa, nhân công) nhưng thường nhà thầu sẽ làm không đúng kỹ thuật để giảm bớt chi phí (nội dung này cần xuống hiện trường để kiểm tra); vận dụng sai đơn giá ván khuôn rãnh thoát nước làm chênh lệch khoảng 17.000.000đ. Công trình Trung tâm VHTT Thiệu G: Việc tính đơn giá ô thoáng cửa sổ cửa đi bằng với đơn giá cửa đi là không đúng, làm tăng giá khoảng 5.000.000đ đến 7.000.000đ; tính nhầm giá sơn giữa kg và lít, làm tăng giá sơn lên khoảng 38.000.000đ. Dự toán và hồ sơ dự thầu không tận dụng đất đào móng nhà thi đấu để san nền mà đi mua đất khác về san nền, đất bùn vận chuyển đổ đi mà không tận dụng để trồng cây làm tăng chi phí công trình. Tổng giá trị chênh lệch do các vấn đề nói trên làm tăng chi phí đối với hai công trình nói trên là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do đã có sự thoả thuận về việc Công ty T chỉ cho đoàn thanh tra số tiền 150.000.000đ để được tạo điều kiện trong quá trình thanh tra nên Nguyễn H1 chỉ lập biên bản thanh tra thể hiện các sai phạm cụ thể là: Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới mở Phường: Thanh toán sai chi phí nhân công hạng mục rãnh thoát nước, đề nghị truy thu số tiền 17.397.294đ (trong đó Công ty T nộp 8.229.888đ, Công ty Hằng N nộp 9.167.406đ); Đối với Công trình Trung tâm Văn hoá thể thao xã Thiệu G: Dự toán và hồ sơ dự thầu không dùng đất cấp II (đất đào móng nhà thi đấu) để đắp nền, đề nghị giảm trừ giá trị xây lắp công trình số tiền 41.882.570đ. Ngày 08/4/2019, theo thỏa thuận, ông T1 đã đem số tiền 150.000.000đ đến phòng làm việc của đoàn thanh tra và đưa số tiền trên cho Nguyễn H1. Sau khi nhận được số tiền trên, Nguyễn H1 đã báo cáo Lê Mạnh H3 xin ý kiến, Lê Mạnh H3 đã nói với Nguyễn H1 chuyển cho bà C 70.000.000đ để tổng hợp vào số tiền chung của đoàn thanh tra, số tiền còn lại Nguyễn H1 và Lê Mạnh H3 chia nhau, mỗi người 40.000.000đ. Số tiền 70.000.000đ đã được Nguyễn Thị C tập hợp để chia cho các thành viên của đoàn thanh tra. Ngày 17/4/2019, Ông Lê Văn T1 đã chủ động viết đơn tố cáo gửi Công an tỉnh Thanh Hóa để tố cáo việc đoàn thanh tra tại huyện T đã nhận của ông T1 số tiền 150 triệu đồng trong quá trình thanh tra đối với các công trình xây dựng do Cty T là nhà thầu thi công.

### 1.3. Trường THCS xã Thiệu N:

Quá trình nghiên cứu hồ sơ, sổ sách của Trường THCS Thiệu N do bà Lê Thị B2 chuyển đến, Nguyễn Quý D thành viên của đoàn thanh tra đã phát hiện ra những thiếu sót trong công tác kế toán và sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách của trường nên khi làm việc với bà B2, Nguyễn Quý D đã nhắc nhở

bà B2 về một số vấn đề cần rút kinh nghiệm và lập biên bản thanh tra thể hiện các sai phạm của Trường THCS Thiệu N gồm: Từ nguồn kinh phí cấp dự toán thừa cho nhu cầu tiền lương, chế độ con người, đơn vị đã chuyển sang chi nghiệp vụ chuyên môn khác; chứng từ kế toán còn một số nội dung thanh toán chưa đầy đủ thủ tục; thiết lập chưa đầy đủ sổ sách kế toán và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chưa đảm bảo quy định. Nguyễn Quý D đã báo cáo với Lê Mạnh H3 về kết quả kiểm tra đối với Nhà trường, được sự thống nhất của Lê Mạnh Hà, Nguyễn Quý D đã lập biên bản thanh tra chỉ nhắc nhở đối với Trường THCS Thiệu N và không xử lý thu hồi về kinh tế do các lỗi sai phạm nói trên có phần trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T và chưa đủ điều kiện để xử lý thu hồi về kinh tế. Trong lúc làm việc, bà Lê Thị B2 đã không báo cáo Hiệu trưởng Nhà trường mà tự lấy 5.000.000đ bỏ vào phong bì và đặt lên bàn làm việc của Nguyễn Quý D. Sáng ngày 18/4/2019, bà Lê Thị B2 đã chủ động viết đơn tố cáo gửi Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa tố cáo Nguyễn Quý D là thành viên đoàn thanh tra tại huyện T trong quá trình thực hiện thanh tra đối với Trường THCS Thiệu N đã đặt vấn đề yêu cầu bà Bé phải đưa tiền bồi dưỡng cho đoàn thanh tra, vì sợ bị gây khó khăn trong quá trình làm việc nên bà B2 đã đưa số tiền 5.000.000đ cho ông D. Mặc dù Nguyễn Quý D không thừa nhận có yêu cầu bà B2 đưa tiền bồi dưỡng nhưng khi bà Bé để phong bì tiền trên bàn làm việc, D đã cầm phong bì và chuyển cho Nguyễn Thị C, theo ý kiến của Lê Mạnh H3, số tiền nói trên được chia cho 05 thành viên của đoàn thanh tra, mỗi người 1.000.000đ và D khai nhận là bà B2 có đặt vấn đề xin đoàn thanh tra tạo điều kiện thuận lợi cho trường vì bà sắp nghỉ hưu nên không muốn có vấn đề gì xảy ra trong quá trình đoàn kiểm tra. Do đó, có cơ sở khẳng định giữa bà B2 và D có sự thống nhất trong việc đưa, nhận số tiền 5.000.000đ trong quá trình thanh tra đối với trường THCS T.

## **2. Các doanh nghiệp đưa hối lộ không có đơn tố cáo**

2.1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại C (công ty C):

Vào khoảng cuối tháng 3/2019, Nguyễn H1 đã gọi điện yêu cầu Trần Ngọc T5 - Giám đốc Công ty C đến làm việc với đoàn thanh tra, quá trình làm việc, H1 thông báo sẽ thanh tra đối với khoảng 10 công trình do công ty C là nhà thầu thi công. Trần Ngọc T5 giải trình với Nguyễn H1 là có 06 công trình đã và đang bị thanh tra, H1 đã trao đổi với T5 về việc Công ty C chỉ cho Đoàn thanh tra số tiền 100.000.000đồng để được đoàn thanh tra chỉ thanh tra 04 công trình và được T5 đồng ý. Trao đổi với T5 xong, H1 đã báo cáo lại cho Lê Mạnh H3 về việc Công ty C sẽ bồi dưỡng số tiền 100.000.000đ để được đoàn tạo điều kiện trong quá trình thanh tra, H3 đồng ý. Vào khoảng 10 giờ cùng ngày, T5 đến sân UBND huyện T đưa cho H1 số tiền 100.000.000đồng. Số tiền nhận từ công ty C,

chiều cùng ngày, H1 đã chuyển lại cho Lê Mạnh H3, H3 dự định chuyển cho C 50.000.000 đồng để tập hợp chia nhau nhưng H3 chưa đưa mà cất ở ngăn kéo bàn làm việc và bị thu giữ trong quá trình khám xét, H3 đưa cho H1 25.000.000đ, H3 lấy 25.000.000đ chi tiêu cá nhân. Việc nhận tiền diễn ra trước khi H1 kiểm tra hồ sơ của công ty.

Sau đó, khi kiểm tra hồ sơ công trình, Nguyễn H1 phát hiện một số sai phạm trong quá trình thi công, thanh quyết toán các công trình, tuy nhiên do đã có sự thỏa thuận và Nguyễn H1 đã nhận số tiền 100.000.000đ từ công ty C nên Nguyễn H1 dự kiến sẽ lập biên bản giảm trừ đối với các công trình đường giao thông nông thôn thôn 7, 8, 9, 10 (xã Thiệu Đ) tổng cộng 50.000.000đ, giảm trừ đối với Công trình trường mầm non xã Thiệu N 12.000.000đ.

Sáng ngày 02/4/2019, chị Lê Thị N1 kế toán Công ty C đem hồ sơ thuế, tài chính đến nộp cho đoàn thanh tra theo yêu cầu, chị N1 bàn giao xong hồ sơ cho đoàn thanh tra thì Trần Ngọc T5 đến, C nói chị N1 về trước còn T5 ở lại trao đổi với Dương Văn B1 và C. Nguyễn Thị C và Trần Ngọc T5 đã thống nhất, thỏa thuận Công ty C chi số tiền 200.000.000đ, trong đó 100.000.000đ bồi dưỡng chung cho cả đoàn còn 100.000.000đ chi cho Dương Văn B1 và Nguyễn Thị C mỗi người 50.000.000đ để được tạo điều kiện trong quá trình thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách. Qua kiểm tra hồ sơ kế toán năm 2017, 2018 của Công ty C, B1 đã phát hiện: Công trình xây dựng Trường tiểu học xã Thiệu N, hạch toán vượt định mức chi phí vật liệu, nhiên liệu năm 2017 là 45.460.000đ và năm 2018 là 194.501.600đ; công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thiệu Đ, có biểu hiện chi phí dầu Diesel vượt định mức. Ngày 03 và 04/4/2019, chị N1 kế toán của Công ty đã làm việc trực tiếp với B1 về những nội dung sai phạm trên; chị N1 thừa nhận do chi phí trồng cây xanh cho Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thiệu Đ không có hóa đơn đầu vào nên Công ty mua hóa đơn xăng dầu để hạch toán bù vào chi phí mua cây xanh với số tiền khoảng 400.000.000đ. Sau khi làm việc với chị N1, B1 đã trao đổi các nội dung trên với Nguyễn Thị C. Vì đã có sự thỏa thuận với T5 nên B1 và C thống nhất lập biên bản thanh tra chỉ thể hiện sai phạm đối với công trình xây dựng Trường tiểu học xã Thiệu N gồm hạch toán vượt định mức chi phí vật liệu, nhiên liệu năm 2017 là 45.460.000đ và năm 2018 là 194.501.600đ, trên cơ sở đó xác định tổng số tiền thuế truy thu đối với công ty C là 71.988.480đ. Chiều ngày 04/4/2019, chị N1 đến nhận biên bản thanh tra về đưa cho T5 ký sau đó T5 đã đưa cho chị N1 02 tập tiền mỗi tập 100.000.000đ nhờ chị N1 đến gặp và đưa cho C. Sau khi nhận số tiền 200.000.000đ từ chị N1, C đã lấy riêng cho mình 50.000.000đ, đưa cho B1 50.000.000đ, còn lại 100.000.000đ, C báo cáo với Lê Mạnh H3 tập hợp đưa vào số tiền chung của đoàn thanh tra để chia nhau.

Tổng số tiền Trần Ngọc T5 đưa cho các thành viên đoàn thanh tra là 300.000.000đ, trong đó cả đoàn cùng hưởng lợi số tiền 100.000.000đ, Nguyễn Thị C và Dương Văn B1 mỗi người hưởng riêng 50.000.000đ, Lê Mạnh H3 và Nguyễn H1 mỗi người hưởng riêng 25.000.000đ, còn 50.000.000đ Lê Mạnh H3 cất giữ và đã bị thu hồi.

Ngày 23/8/2019, Cơ quan An ninh điều tra đã trưng cầu Cục thuế tỉnh Thanh Hóa giám định hồ sơ khai thuế, hồ sơ báo cáo tài chính năm 2017, 2018 của Công ty C. Tại bản kết luận giám định ngày 16/9/2019 Cục thuế tỉnh Thanh Hóa kết luận xác định công ty C đã kê khai, hạch toán tăng định mức hao phí xăng dầu, xi măng sắt thép trong 2 năm 2017, 2018 với tổng số tiền 1.350.170.282 nhằm làm thay đổi các yếu tố xác định nghĩa vụ thuế GTGT và thuế TNDN trong kỳ. Hành vi giảm số tiền thuế phải nộp NSNN trong kỳ. Việc hạch toán sai chi phí vật tư dịch vụ mua vào này sẽ làm thay đổi các yếu tố để xác định nghĩa vụ thuế GTGT và thuế TNDN trong từng kỳ khai thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; tổ giám định không có đủ căn cứ xác định chi tiết số thuế thất thu NSNN. Do đó chưa đủ cơ sở cấu thành tội “Trốn thuế” quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính.

## 2.2. Doanh nghiệp tư nhân H:

Vào ngày 07/4/2019, Doanh nghiệp tư nhân H do Nguyễn Gia H làm chủ doanh nghiệp nhận được thông báo của Đoàn thanh tra yêu cầu Doanh nghiệp đem hồ sơ kế toán năm 2018 đến Trụ sở UBND huyện T nộp cho đoàn thanh tra. Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách kế toán của Doanh nghiệp này Dương Văn B1 phát hiện Doanh nghiệp chưa kê khai doanh thu số tiền 800.000.000đ của hoá đơn bán hàng số 0000572 ngày 05/4/2018 tương ứng số tiền thuế truy thu là 240.000.000đ; Qua số lượng xăng dầu tiêu thụ đã hạch toán thấy có biểu hiện chi phí xăng dầu vượt định mức. Dương Văn B1 đã làm việc với chị Phạm Thị T6 là kế toán của Doanh nghiệp H và xác định mức độ vượt chi phí xăng dầu ở mức 4%, cụ thể: Lượng xăng dầu đã tiêu thụ là 867.366 lít, giá trị hạch toán là 13.335.839.159đ thì lượng xăng dầu tiêu hao vượt định mức là 34.694,6 lít, tương ứng số tiền là 533.433.566đ, số tiền mà Doanh nghiệp H phải bị truy thu thuế khoảng 160.030.071đ. B1 yêu cầu chủ Doanh nghiệp đến trực tiếp làm việc, ngày 14/4/2019, Nguyễn Gia H trực tiếp đến làm việc với đoàn thanh tra, tại đây H gặp Lê Mạnh H3, Dương Văn B1, Nguyễn Thị C. Trong quá trình làm việc H đề nghị được Đoàn thanh tra xem xét về hóa đơn bán vật liệu xây dựng trị giá 800.000.000đ mà doanh nghiệp phải bị truy thu 240.000.000đ. Tuy nhiên, B1 nói vấn đề này đã thể hiện rõ trong sổ sách, không thể tạo điều kiện được; Lê Mạnh H3 cũng không chấp nhận đề nghị của H. Thấy vậy, H đề nghị Đoàn thanh tra tạo điều kiện không kiểm tra, truy thu đối với các lỗi khác của Doanh



nghiệp. Ngày hôm sau, C gọi điện cho H lên ký biên bản, Nguyễn Gia H khai nhận nghe C nói qua điện thoại xin Doanh nghiệp bồi dưỡng cho đoàn “một”, H hiểu “một” mà C nói tức mang bồi dưỡng cho đoàn là 100.000.000đ. Sau đó do ở nhà chỉ còn 99.000.000đ nên H cầm số tiền này đến phòng làm việc của đoàn thanh tra tại UBND huyện T; đến nơi H để số tiền 99.000.000đ tại bàn uống nước ngay chỗ C đang ngồi, C cầm tiền nhưng không kiểm tra lại mà mang về cất giữ tại nhà mình để tập hợp vào số tiền chung của đoàn thanh tra, chưa kịp chia cho các thành viên trong đoàn thanh tra thì bị cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ khi khám xét. Mặc dù Nguyễn Thị C không thừa nhận việc có gọi điện yêu cầu Nguyễn Gia H phải bồi dưỡng tiền cho đoàn thanh tra nhưng khi Nguyễn Gia H để tiền trên bàn thì C đã cầm lấy và cất tiền đi, sau đó đem về nhà cất giữ với mục đích để tổng hợp và chia cho các thành viên trong đoàn và Dương Văn B1 đã lập biên bản thanh tra với lỗi kê khai thiếu doanh thu và truy thu số tiền 240.000.000đ của doanh nghiệp H, không đề cập đến các lỗi vi phạm khác của doanh nghiệp. Điều này thể hiện rõ nội dung Nguyễn Thị C và Dương Văn B1 đã thống nhất việc nhận tiền của Nguyễn Gia H để bỏ qua lỗi sai phạm của doanh nghiệp H trong quá trình thanh tra.

### 2.3. Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng C (Công ty C):

Đầu tháng 4 năm 2019, Nguyễn Cao C1 - Giám đốc Công ty C nhận được thông báo từ Nguyễn H1 về việc thanh tra đối với hai công trình xây dựng tại xã Thiệu N do Công ty C là nhà thầu thi công gồm: Công trình chợ xã Thiệu N và Công trình đường giao thông K xã Thiệu N và hẹn Nguyễn Cao C1 đến phòng làm việc của đoàn thanh tra ở trụ sở UBND huyện T để làm việc với Nguyễn H1. Trước đó Chủ đầu tư là UBND xã Thiệu N đã giao nộp hồ sơ các công trình nói trên cho đoàn thanh tra. Quá trình nghiên cứu hồ sơ của 02 công trình nói trên, Nguyễn H1 phát hiện các sai phạm cụ thể đó là: Đối với Công trình xây dựng chợ xã Thiệu N giá đất đá thải phần phát sinh tính sai quy định, tạo chênh lệch khoảng 40.000.000đ, biện pháp thi công đào đắp nền chợ 100% bằng thủ công là sai, tạo chênh lệch số tiền 25.000.000đ; đối với công trình đường giao thông K biện pháp thi công đào đắp nền đường có tỷ lệ đào đắp thủ công không hợp lý, tạo chênh lệch số tiền khoảng 20.000.000đ; Ngoài ra, trong quá trình thi công đối với hai công trình đó, Công ty không có chứng chỉ xếp hạng năng lực xây dựng năm 2017. Quá trình làm việc, Nguyễn H1 đã thông báo về toàn bộ các sai phạm của hai công trình với C1, giữa Nguyễn Cao C1 và Nguyễn H1 có thống nhất về việc C1 chi cho đoàn thanh tra số tiền 30.000.000đ để được tạo điều kiện giảm nhẹ mức sai phạm trong quá trình thanh tra. Tuy nhiên, sáng ngày 08/4/2019 Nguyễn Cao C1 đã chủ động liên lạc qua điện thoại với Nguyễn H1 để xin giảm bớt số tiền phải chi cho đoàn thanh tra từ 30.000.000đ xuống còn 20.000.000đ và đã được Nguyễn H1 đồng ý nên chiều cùng ngày, Nguyễn

Cao C1 đã đem số tiền 20.000.000đ đến đưa cho Nguyễn H1 tại phòng làm việc của đoàn thanh tra rồi ra về. Sau khi nhận số tiền nói trên, Nguyễn H1 đã chuyển toàn bộ số tiền này cho Nguyễn Thị C để tập hợp vào số tiền chung của đoàn thanh tra.

\* Như vậy, tổng số tiền 06 đơn vị, doanh nghiệp đã đưa hồi lộ cho các thành viên của Đoàn thanh tra là 594.000.000đ, trong đó: Công ty C 300.000.000đ, Doanh nghiệp H 99.000.000đ, Công ty T 150.000.000đ, Công ty C 20.000.000đ, Công ty T 20.000.000đ, Trường THCS Thiệu N 5.000.000đ. Trong tổng số tiền 594.000.000đ nói trên có 364.000.000đ tập hợp vào số tiền chung với mục đích để chia nhau và 230.000.000đ là phần hưởng riêng của 04 bị can: H1 nhận riêng 65.000.000đ; C nhận riêng 50.000.000đ; H3 nhận riêng 65.000.000đ; B1 nhận riêng 50.000.000đ.

Ngoài số tiền nhận hồi lộ nói trên thì trong quá trình thanh tra các bị can còn khai nhận sau khi kết thúc việc thanh tra, có một số đơn vị, doanh nghiệp tự nguyện chi tiền cảm ơn đoàn thanh tra với số tiền cho cá nhân từ 500.000đ đến 2.000.000đ hoặc đưa chung cho đoàn từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, số tiền này được gộp chung vào số tiền nhận hồi lộ để chia cho các thành viên trong đoàn thanh tra. Căn cứ lời khai của các bị can là thành viên của đoàn thanh tra xác định số tiền nhận hồi lộ và tiền cảm ơn của các đơn vị, doanh nghiệp biểu đoàn thanh tra đã được Nguyễn Thị C tập hợp và ba lần chia cho các thành viên của đoàn. Cụ thể lần thứ nhất chia làm 07 phần, trong đó: Lê Mạnh H3 nhận 30.000.000đ, Nguyễn Thị C nhận 30.000.000đ, Nguyễn H1 nhận 50.000.000đ, Dương Văn B1 nhận 20.000.000đ, Nguyễn Quý D nhận 20.000.000đ và 02 phần còn lại mỗi phần 30.000.000đ Lê Mạnh H3 nhận (theo bị can Lê Mạnh H3 khai số tiền này được chuyển cho ông Nguyễn Bá N2 - Chánh thanh tra tỉnh và ông Vũ Đình Q1 - Phó chánh thanh tra tỉnh mỗi người 01 phần, tuy nhiên chưa kịp đưa được cho hai ông thì Lê Mạnh H3 bị bắt). Lần thứ hai cũng chia làm 07 phần, trong đó: Lê Mạnh H3 nhận 25.000.000đ, Nguyễn Thị C nhận 20.000.000đ, Nguyễn H1 nhận 15.000.000đ, Dương Văn B1 20.000.000đ, Nguyễn Quý D 20.000.000đ và 02 phần còn lại mỗi phần 20.000.000đ Lê Mạnh H3 nhận (theo bị can Lê Mạnh H3 khai số tiền này được chuyển cho ông Nguyễn Bá N2 - Chánh thanh tra tỉnh và ông Vũ Đình Q1 - Phó chánh thanh tra tỉnh mỗi người 01 phần, tuy nhiên chưa kịp đưa được cho hai ông thì H3 bị Cơ quan điều tra bắt). Lần thứ ba chia 05 phần từ số tiền 5.000.000đ nhận từ Trường THCS Thiệu N, Lê Mạnh H3, Nguyễn Thị C, Dương Văn B1, Nguyễn H1, Nguyễn Quý D mỗi người nhận 1.000.000đ.

Số tiền các bị can đã được nhận từ tiền hồi lộ và tiền của các đơn vị bồi dưỡng (không tách riêng được) cụ thể là: Lê Mạnh H3 đã nhận 121.000.000đ, Nguyễn Thị C đã nhận 101.000.000đ, Dương Văn B1 đã nhận 91.000.000đ,

Nguyễn H1 đã nhận 131.000.000đ, Nguyễn Quý D đã nhận 41.000.000đ. Đến nay các bị can đã nộp tiền khắc phục hậu quả cụ thể là: Lê Mạnh H3 nộp số tiền 226.000.000đ, Nguyễn Thị C nộp 106.000.000đ (trong đó có 5.000.000đ nhận riêng của Công ty A nhưng Cơ quan điều tra xác định hành vi này không phạm tội), Dương Văn B1 nộp 16.000.000đ, Nguyễn H1 nộp 131.000.000đ và Nguyễn Quý D nộp 41.000.000đ.

**\* Ngoài các hành vi phạm tội nêu trên, Doanh nghiệp H còn có hành vi trốn thuế được xác định như sau:**

Trong quá trình điều tra hành vi đưa hối lộ của Nguyễn Gia H, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến tài chính năm 2018 của doanh nghiệp để làm rõ các lỗi sai phạm mà Nguyễn Gia H đặt vấn đề xin được đoàn thanh tra bỏ qua. Quá trình kiểm tra hồ sơ, sổ sách chứng từ tài chính năm 2018, Cơ quan An ninh điều tra phát hiện việc sử dụng xăng dầu trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp H đã kê khai lượng chi phí dầu vượt định mức so với tiêu hao thực tế phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018, gây thất thoát số thuế phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với số tiền 244.609.546đ. Để phục vụ công tác điều tra, Ngày 21/5/2019, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Cục thuế tỉnh Thanh Hoá giám định hồ sơ kê khai thuế, hồ sơ báo cáo tài chính năm 2018 của Doanh nghiệp tư nhân H để xác định các nội dung: Hoạt động kê khai hồ sơ kế toán Thuế trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân H năm 2018 có vi phạm pháp luật về Thuế không? Nếu có thì gây thất thoát số thuế phải nộp cho Nhà nước là bao nhiêu? Hình thức và căn cứ xử lý với Doanh nghiệp này nếu có vi phạm.

Tại bản Kết luận giám định ngày 14/6/2019, Kết luận giám định bổ sung ngày 31/7/2019 và Kết luận giám định ngày 05/11/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hoá kết luận: Căn cứ vào hoá đơn bán hàng, sổ sách kế toán, định mức tiêu hao nhiên liệu mà doanh nghiệp đã xây dựng, cơ quan giám định xác định với số liệu thể hiện trên hồ sơ kế toán mà cơ quan điều tra đã cung cấp thì năm 2018 doanh nghiệp tư nhân H chỉ sử dụng hết 3.893.088.375đ chi phí nhiên liệu cho hoạt động kinh doanh đã kê khai thuế. Trong khi đó, chi phí nhiên liệu doanh nghiệp tư nhân H đã kê khai hạch toán vào hồ sơ sổ sách kế toán năm 2018 là 12.975.839.159đ, Vậy chi phí ngoài định mức không tương ứng với doanh thu là 9.082.750.784đ, cơ quan điều tra xác định doanh nghiệp năm 2018 đã bán hàng hóa là xăng dầu không xuất hóa đơn, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp. Các hành vi này được xác định là hành vi gian lận, trốn thuế với số thuế trốn lậu là 2.297.022.297đ.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Gia H khai nhận:

Năm 2018, Doanh nghiệp H có mua vào tổng số lượng xăng dầu tương ứng với số tiền là 12.975.839.159đ (đã được kê khai trên hồ sơ kế toán của doanh nghiệp). Tuy nhiên, thực tế số lượng xăng dầu trong năm 2018 doanh nghiệp H chỉ sử dụng vào sản xuất kinh doanh tương ứng với số tiền là 3.893.088.375đ (như kết luận cơ quan thuế đã xác định), cụ thể: Mọi chi phí sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân H đều được thể hiện, ghi nhận trên hồ sơ sổ sách tài chính kế toán của doanh nghiệp trong năm 2018.

Đối với lượng xăng dầu vượt định mức so với lượng xăng dầu thực tế mà doanh nghiệp đã sử dụng tương ứng với số tiền 9.082.750.784đ là do: Số lượng xăng dầu này doanh nghiệp H không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà đã sử dụng cấp cho các tàu, thuyền vận chuyển cát trên sông, cấp cho các xe ô tô vận chuyển không thuộc sở hữu của doanh nghiệp để đào trừ cước, xuất bán cho Công ty L (cũng do Nguyễn Gia H làm chủ) với giá bằng giá mua vào và sử dụng vào việc làm đường, sửa đường, tưới đường vào các bến bãi.

Qua xác minh tại Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, xác định các doanh nghiệp bán xăng dầu cho doanh nghiệp H đều thể hiện hóa đơn bán hàng là hợp pháp. Đồng thời cơ quan điều tra tiến hành ghi lời khai đối với 02 đơn vị cung cấp xăng dầu cho Doanh nghiệp H là: Công ty TNHH Mai H và Công ty CP đầu tư xây dựng Minh Việt P xác định: Toàn bộ địa điểm giao hàng của 02 công ty trên cho doanh nghiệp H tại các vị trí: Chân cầu Vạn Hà (thuộc TT V - huyện T), Cảng cá Hậu L (thuộc huyện Hậu L); chân cầu Nguyệt V (thuộc xã Hoằng Q - TP.Thanh Hoá); xã Thiệu K - TP.Thanh Hoá. Các địa điểm này không thuộc địa điểm khai thác, tập kết đã được cấp phép của doanh nghiệp H. Quá trình điều tra Nguyễn Gia H thừa nhận tại các vị trí này Nguyễn Gia H sử dụng dầu cấp lại cho các tàu thuyền, phương tiện vận chuyển cát trên sông và đường bộ.

Căn cứ vào hồ sơ, chứng từ kế toán năm 2018 của doanh nghiệp H mà cơ quan điều tra đã thu thập được xác định:

Doanh nghiệp tư nhân H được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 28/GP-UBND ngày 03/4/2013 được phép khai thác cát tại mỏ số 18 thuộc các xã Xuân T - Hạnh phúc và xã Xuân L, huyện Thọ X với trữ lượng cát được phép khai thác  $801.545\text{m}^3/17$  năm, với công suất  $47.144\text{m}^3/\text{năm}$  và giấy phép khai thác khoáng sản số 416 được phép khai thác khoáng sản và thuê mỏ đất san lấp tại xã Xuân T1, huyện Thọ X với công suất được phép khai thác đất  $209.164\text{m}^3/\text{năm}$ .

Về tài sản cố định để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm: 02 (Hai) thuyền tôn phục vụ để bơm cát từ mỏ (lòng sông) lên bãi tập kết; 03 (Ba) máy đào bánh xích dùng để mức cát, đất lên xe; 16

(mười sáu) xe ô tô tải sử dụng để vận chuyển cát, đất (trong đó có 4 xe đã hết khấu hao). Toàn bộ số tài sản cố định trên đã được ghi nhận tại tài khoản 214.

Doanh nghiệp tư nhân H tự xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu theo Quyết định số 01/QĐ về định mức tiêu hao nhiên liệu đối với các phương tiện vận tải đường bộ, đường sông.

Toàn bộ hóa đơn sử dụng cho chi phí đầu vào của doanh nghiệp gồm 848 hóa đơn được thể hiện trên hồ sơ tài chính của doanh nghiệp.

Hóa đơn sử dụng cho việc bán cát và đất của doanh nghiệp H năm 2018 bao gồm: 72 hóa đơn, trong đó có 34 hóa đơn thể hiện giá bán cát bãi và đất tại mỏ; 38 hóa đơn thể hiện giá bán đã có cước vận chuyển.

Sản lượng cát khai thác năm 2018 của doanh nghiệp tư nhân H được thể hiện trên hồ sơ kế toán năm 2018 bao gồm: Sản lượng khai thác cát trong kỳ 75.046m<sup>3</sup>; Sản lượng đất khai thác đất trong kỳ: 209.164m<sup>3</sup>.

Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được, cho thấy năm 2018 Doanh nghiệp tư nhân H do Nguyễn Gia H làm chủ đã kê khai và hạch toán vào chi phí khi quyết toán thuế với lượng xăng dầu là: 12.975.839.159đ. Trong khi đó theo định mức tiêu hao nhiên liệu mà doanh nghiệp tự xây dựng thì trong năm 2018 với sản lượng khai thác tương ứng với doanh thu kê khai doanh nghiệp tư nhân H chỉ sử dụng hết 3.893.088.375đ chi phí xăng dầu. Do vậy doanh nghiệp đã kê khai chi phí xăng dầu vượt so với định mức là 9.082.750.784đ.

Số lượng xăng dầu vượt định mức này là do doanh nghiệp H đã mua thực tế của các đơn vị bán xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Sau đó số lượng xăng dầu vượt định mức này đã được doanh nghiệp H xuất cho Công ty L, các tàu thuyền, xe ô tô, (Các tàu thuyền, xe ô tô không thuộc sở hữu hợp pháp của Doanh nghiệp tư nhân H) nhưng không ghi nhận doanh thu bán hàng trên hoá đơn, hồ sơ tài chính và không kê khai doanh thu, thu nhập tính thuế.

Do không ghi nhận doanh thu thực tế tương ứng với tổng chi phí cho lượng dầu mua vào của Doanh nghiệp tư nhân H để xác định nghĩa vụ thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho ngân sách Nhà nước (không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp) với số tiền 9.082.750.784đ được xác định tương đương với số thuế gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước là 2.297.022.297đ.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, quyết định:

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2, 5 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn H1 28 (hai mươi tám) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

giam thi hành án. Được trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2019 đến ngày 02/8/2019.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2, 5 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quý D 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Được trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2019 đến ngày 02/8/2019.

Phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Nguyễn H1 và Nguyễn Quý D đảm nhiệm các chức vụ có liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Gia H 09 (chín) tháng tù về tội “Đưa hối lộ” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 18/12/2019.

*Truy thu tiền thu nhập bất hợp pháp:*

- Truy thu và buộc bị cáo Nguyễn Gia H phải nộp 2.297.022.297đ tiền “trốn thuế” để nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ số tiền đã nộp 1.044.609.546đ, còn phải nộp tiếp 1.252.412.751đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2020, các bị cáo Dương Văn B1, Nguyễn H1, Nguyễn Quý D có đơn kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/3/2020, bị cáo Nguyễn Gia H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Đưa hối lộ” và kêu oan về tội “Trốn thuế”.

Ngày 27/5/2020, bị cáo Nguyễn Thị C có đơn xin rút kháng cáo.

Ngày 30/7/2020, bị cáo Dương Văn B1 có đơn xin rút kháng cáo.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định số 62/2020/HSPT-QĐ ngày 03/8/2020 (đối với bị cáo C) và Quyết định số 67/2020/HSPT-QĐ ngày 11/8/2020 (đối với bị cáo B1) đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị C và bị cáo Dương Văn B1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn H1, Nguyễn Quý D tự nguyện rút đơn kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Gia H thay đổi nội dung kháng cáo,

xin giảm nhẹ hình phạt đối với cả 02 tội “Đưa hối lộ” và tội “Trốn thuế”. Bị cáo Hải thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia H trình bày: Doanh nghiệp của bị cáo H tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động, từ trước đến nay doanh nghiệp của bị cáo chưa được quyết toán thuế. Nếu xác định được số thuế doanh nghiệp của bị cáo H chưa thực hiện thì bị cáo sẽ tự nguyện khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, lời khai của các bị cáo, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn H1, Nguyễn Quý D tự nguyện rút đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn H1 và bị cáo Nguyễn Quý D. Đối với bị cáo Nguyễn Gia H: Tại phiên tòa phúc thẩm thay đổi kháng cáo kêu oan về tội “Trốn thuế” sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với 02 tội “Đưa hối lộ” và tội “Trốn thuế”. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, tại cấp sơ thẩm bị cáo H và gia đình bị cáo đã khắc phục nộp số tiền 1.044.609.546đ truy thu thuế. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xuất trình biên lai nộp thêm 200 triệu đồng tiền truy thu thuế, đây là tình tiết mới và về cơ bản số tiền thuế của Nhà nước đã được khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Gia H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn H1, Nguyễn Quý D tự nguyện rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn H1 và bị cáo Nguyễn Quý D.

Đối với bị cáo Nguyễn Gia H: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hải thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích bỏ qua hoặc giảm bớt sai phạm của doanh nghiệp trong quá trình Đoàn Thanh tra tỉnh Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ thanh tra, Nguyễn Gia H là chủ Doanh nghiệp tư nhân H đã có hành vi đưa số tiền 99.000.000đ cho Đoàn Thanh tra. Ngoài ra, năm 2018 doanh nghiệp tư nhân H có hành vi kê khai chi phí xăng dầu vượt định mức nhưng không được thể hiện trên tài liệu, hóa đơn chứng từ; ghi giá bán tài sản cố định của doanh nghiệp (04 xe ô tô ) trên hóa đơn giá trị gia tăng thấp hơn giá thực tế làm giảm số thuế phải nộp cho Nhà nước với số tiền là 2.297.022.297đ.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử bị cáo Nguyễn Gia H về tội “Đưa hối lộ” và tội “Trốn thuế” theo điểm a khoản 1 Điều 364; khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Gia H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyễn Gia H là chủ Doanh nghiệp tư nhân H, đã có hành vi đưa 99.000.000đ cho Đoàn Thanh tra tỉnh Thanh Hóa nhằm mục đích để được Đoàn Thanh tra bỏ qua hoặc giảm nhẹ các lỗi sai phạm của doanh nghiệp trong quá trình kiểm tra. Tuy nhiên, việc H chi tiền bồi dưỡng cho Đoàn thanh tra là do có sự gợi ý của Cán bộ thanh tra nên bị cáo đã thực hiện hành vi đưa hối lộ vì lợi ích riêng của doanh nghiệp và người lao động. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Gia H là doanh nhân có nhiều thành tích trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng thưởng Bằng khen và được các cơ quan, ban ngành khác tặng thưởng nhiều Giấy khen, thư cảm ơn do đã tích cực tham gia các hoạt động từ thiện và ủng hộ quỹ phòng chống dịch covid tại địa phương.

Mặc dù quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo H không thật sự thành khẩn khai nhận về hành vi trốn thuế, chỉ thừa nhận hành vi đưa hối lộ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Gia H thành khẩn khai báo, thừa nhận các hành vi phạm tội của mình và trình bày tại cấp sơ thẩm do nhận thức pháp luật hạn chế nên bị cáo chưa thật sự thành khẩn khai nhận hành vi trốn thuế; điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; tại cấp sơ thẩm bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do việc trốn thuế với số tiền là 1.044.609.546đ. Tại Công văn số 20/CQCSĐT ngày 16/01/2020, Công an huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa đã đề nghị xem xét bị cáo H có thành tích giúp Cơ quan điều tra phát hiện và bắt giữ tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo Hải nộp thêm 200 triệu đồng tiền khắc phục hậu quả từ hành vi trốn thuế và nộp án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Gia H đã khắc phục được phần lớn số tiền phải truy thu thuế cho Nhà nước. Mặt khác, trong thời gian doanh nghiệp của bị cáo hoạt động, cơ quan thuế cũng không có thông báo quyết toán thuế đối với doanh nghiệp. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Gia H là có phần nghiêm khắc nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia H, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giảm cho bị cáo một phần hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo H sớm có thời gian trở về để duy trì hoạt động và phát triển doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm cho người lao động và khắc phục số tiền truy thu thuế còn lại cho Nhà nước.



Về án phí: Bị cáo Nguyễn H1 và bị cáo Nguyễn Quý D rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia H được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Gia H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn H1 và bị cáo Nguyễn Quý D. Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn H1 và bị cáo Nguyễn Quý D có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia H; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Gia H; cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; khoản 3 Điều 200; điểm b, s, t, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Gia H 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2019 đến ngày 18/12/2019.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Gia H đã nộp 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền truy thu thu nhập bất hợp pháp và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo các biên lai thu số 0001463 ngày 28/9/2020 và biên lai thu số 0001646 ngày 11/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn H1, Nguyễn Quý D và Nguyễn Gia H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo H1, D và H (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Phương Hạnh**